

NGŨ VĂN 8 - TUẦN 10

Văn bản

THUẾ MÁU

I/ ĐỌC-TÌM HIỂU CHÚ THÍCH

1/ TÁC GIẢ :

- Nguyễn ái Quốc- là một trong những tên gọi của chủ tịch HCM trong thời kì hoạt động cách mạng trước năm 1945.

2/ TÁC PHẨM:

- **Xuất xứ:** - “Bản án chế độ thực dân Pháp”, viết bằng tiếng Pháp, xuất bản lần đầu tiên tại Pari 1925 và ở Việt Nam 1946. Tác phẩm gồm 12 chương và phần phụ lục gửi thanh niên VN. “Thuế máu” được trích từ chương I của tác phẩm.

+ Ba chương gắn với ba luận điểm chủ đề “Thuế máu” : Chiến tranh và người bản xứ; chế độ lính tình nguyện; Kết quả của sự hi sinh.

+ Cách đặt tên các chương để nói về quá trình lừa bịp bóc lột cùng kiệt thuế máu của bọn thực dân cai trị.

II/ ĐỌC - TÌM HIỂU VĂN BẢN

1. Phần 1. Chiến tranh và người bản xứ

a. Thái độ của các quan cai trị

- Trước chiến tranh:

+ Những người dân thuộc địa chỉ là những tên da đen, những tên “An Nam mít” bẩn thỉu.

+ Bị xem là giống người hạ đẳng, bị đối xử đánh đập như súc vật.

- Khi chiến tranh bùng nổ

+ Lập tức họ được tâng bốc, vỗ về, được phong tặng cho những danh hiệu cao quý: biến thành những đứa "con yêu bạn hiền " ;“chiến sĩ bảo vệ chân lí và tự do”

+ Thủ đoạn: lừa bịp, bịp ối, biến họ thành vật hi sinh cho mục đích phi nghĩa.

+ Giọng văn: Phẫn nộ, châm biếm mỉa mai, trào phúng (cuộc chiến tranh vui tươi)

+ Phương pháp: so sánh, tương phản.

b. Số phận người dân thuộc địa:

- Ở mặt trận: Họ bị đẩy vào lò lửa chiến tranh thảm khốc trên các chiến trường Châu Âu làm bia đỡ đạn,nhiều người không còn cơ hội trở về.

- Ở hậu phương: Làm kiệt sức trong xưởng thuốc súng, bị nhiễm khí độc.

c. Kết cục:

- Tám vạn người bản xứ không còn trông thấy quê hương.

- Số liệu, d/c chính xác, cụ thể giàu sức thuyết phục (con số đáng chú ý về số người bản xứ đã bỏ mình trên đất Pháp trong chiến tranh thế giới thứ nhất).

⇒ Họ bị biến thành các vật hi sinh cho lợi ích, danh dự của những kẻ cầm quyền, đem mạng sống mà đánh đổi lấy những vinh dự hão huyền.

2. Phần 2: Chế độ lính tình nguyện

a. Các thủ đoạn mãnh khoé bắt lính của bọn thực dân:

- Tiến hành những cuộc lùng ráp, vây bắt, cưỡng bức người ta phải đi lính.
- Lợi dụng sự bắt lính dọa nạt xoay sở kiếm tiền đối với nhà giàu(đi lính tình nguyện hoặc xì tiền ra)
- Sẵn sàng trói, xích, nhốt người ta như súc vật, đàn áp dã man nếu họ chống đối.

⇒ **Thủ đoạn, mãnh khoé trắng trợn, đê hèn (bộ mặt tàn bạo)**

b. Lời lẽ bịp bợm của bọn cầm quyền:

- Chúng tro trên rêu rao rằng họ tự nguyện đầu quân.
- Giọng điệu trào phúng, mỉa mai giễu cợt lời tuyên bố trình trọng, phản bác bằng thực tế hùng hồn : nếu quả thật... “không ngần ngại”. Dẫn chứng cụ thể, chân thực, giàu sức thuyết phục.

⇒ **Lời tuyên bố trình trọng của phủ toàn Đông Dương là lừa bịp, tro trên.**

c. Phần 3: Kết quả của sự hi sinh

- Chấm dứt chiến tranh: “lời tuyên bố tình tứ của các ngài cầm quyền cũng tự dung im bất như có phép lạ”. Người dân thuộc địa trở lại là “giống người bản thổ”.
- Họ không hề biết đến chính nghĩa và công lí sau khi bị bóc lột hết “thuế máu”(sự hi sinh không mang lợi ích gì cho họ).
- Tác giả sử dụng câu nghi vấn có chức năng khẳng định sự thật, bộc lộ thái độ lên án.
- Chúng đầu độc người dân thuộc địa làm cho ngu si, yếu hèn cả một dân tộc để vơ vét của cải tài nguyên đầy túi.
- > Bộ mặt tráo trở, tàn nhẫn, vô nhân đạo được bộc lộ trắng trợn.
- ⇒ Sự bi ối, vô nhân đạo của thực dân Pháp đối với lính tình nguyện Việt Nam, cái giá của “Thuế máu” mà người lính Việt Nam được trả.

III. GHI NHỚ (SGK/ Trang 92)

Tiếng Việt

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

I. ÔN TẬP CÁC KIỂU CÂU

1. Câu nghi vấn:

- Có những từ nghi vấn: ai, gì, nào, tại sao, bao giờ, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ, có... không, đã ...chưa. Hoặc có quan hệ từ “hay” dùng khi có ý lựa chọn.
- Khi viết câu nghi vấn thường kết thúc bằng dấu chấm hỏi.
- Chức năng chính là dùng để hỏi

VD: Ngày mai các con có về quê với mẹ **không?**

- Ngoài ra còn dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ cảm xúc...

VD: **Sao** số tôi lại khổ thế này?

-> bộc lộ cảm xúc

VD: Bài toán này chẳng phải là bạn đã làm rồi **sao?**

-> khẳng định

2. Câu cầu khiến

- Có những từ cầu khiến: hãy, đừng, chớ; đi, thôi, nào...hay ngữ điệu cầu khiến
- Khi viết, cuối câu thường dùng dấu chấm than - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo...

VD: Các bạn ơi, đợi tôi **với** !

- Thầy em **hãy** cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột. (Ngô Tất Tố)

3. Câu cảm thán

- Dùng những từ ngữ cảm thán: ôi, than ôi, hỡi ơi; thay, xiết bao...
- khi viết, cuối câu thường dùng dấu chấm than - Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói, người viết

VD : **Ôi** Bác Hồ ơi, những xé chiều
 Nghìn thu nhớ Bác **biết bao nhiêu** !
 (Tố Hữu)

4. Câu trần thuật

- Không có đặc điểm hình thức của 3 kiểu câu : nghi vấn, cầu khiến, cảm thán
- Khi viết, cuối câu thường dùng dấu chấm.
- Chức năng chính là dùng để kể, thông báo, nhận định, trình bày, miêu tả...
- Ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay biểu lộ tình cảm, cảm xúc...

VD1: Trăm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở.

-> Trình bày

VD2: Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn , làm nổi bật màu hồng của hai gò má.

-> Tả

VD3: Cậu này khá!

-> Biểu lộ tình cảm, cảm xúc

5. Câu phủ định

- Là câu có chứa những từ ngữ phủ định như: Không, chưa, chẳng....
- Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (Phủ định miêu tả). Phản bác một ý kiến, một nhận định (Phủ định bác bỏ).

II. ÔN TẬP HÀNH ĐỘNG NÓI

- HĐ nói là một hđ thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.
- Mỗi hành động nói được thực hiện bằng một kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó (cách dùng trực tiếp). Hoặc dùng bằng kiểu câu khác (cách dùng gián tiếp).

III. LUYỆN TẬP

- HS làm các bài tập 1, 2, 3, 4 (SGK/130, 131) và bài 1, 2, 3 (mục II/ SGK/131, 132)

Tập làm văn

TÌM HIỂU CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

I. TÌM HIỂU BÀI

1. Trình bày luận điểm thành một đoạn văn nghị luận:

a. Ngữ liệu (sgk/ Trang 114, 115)

* **Đoạn văn : a ,b**

- **Yếu tố tự sự :**

+ Vị chúa tể- nhất định.

+ Thoạt tiên: chúng tóm những người khoẻ mạnh...

+ Sau đó :...xì tiền ra”

- **Yếu tố miêu tả:**

+ Các bạn đã tấp nập đầu quân ...q/hương

+ ..tóp thì bị xích tay...lên nòng sắn?_

- Trong 2 đoạn trích tự sự và miêu tả không phải mục đích chủ yếu mà người viết muốn đạt tới mà mục đích người viết hướng tới là: bàn bạc về thủ đoạn bắt lính và tình cảnh của ng bị bắt.

=> **Tác giả vạch trần sự tàn bạo giả dối của thực dân.**

*** Đoạn văn 2**

- **Yếu tố tự sự :**

+ Mẹ chàng Trăng nằm mơ...để ra chàng.

+ Sợ tù trưởng...phó mặc cho trời.

+ Suốt ngày không nói cười chỉ thích khiên đao.

+ Sau đó chàng cười ngửa không lồ...vàng sáng bạc.

+ Nàng Han là cô gái thông minh, xinh đẹp...

- **Yếu tố miêu tả:**

+ đêm đêm... vàng sáng bạc.

+ ..có những vùng, những ao chi chít...quân đội của người kinh.

b. Nhân xét:

- Yếu tố tự sự và miêu tả khiến cho việc trình bày luận cứ trong bài văn được rõ ràng, cụ thể, sinh động có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn.

- Các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận phải làm sáng tỏ luận điểm, không phá vỡ mạch lạc nghị luận.

2. Ghi nhớ (sgk/ 116)

III. LUYỆN TẬP

Làm bài tập 1,2 SGK, trang 116

Tập làm văn

LUYỆN TẬP ĐƯA CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ VÀO BÀI VĂN VĂN NGHỊ LUẬN

I. CHUẨN BỊ Ở NHÀ

- **Đề bài:** *Trang phục và văn hóa.* Hãy lập dàn ý chi tiết. Tập hợp những suy nghĩ, những hình ảnh và những câu chuyện mà em đã tích lũy được xung quanh vấn đề trang phục trong thực tế đời sống ở nhà trường và ngoài xã hội.

II. LUYỆN TẬP TRÊN LỚP

1. Định hướng làm bài

- Trang phục và văn hóa là đề tài mở, có nhiều hướng phát triển. Tuy nhiên cần phải có sự chọn lọc, sắp xếp luận điểm, nếu không bài văn sẽ rơi vào tình trạng lan man, dàn trải.

2. Xác lập luận điểm: Nên đưa vào bài viết những luận điểm sau:

- **Luận điểm 1:** Gần đây cách ăn mặc của một số bạn có nhiều thay đổi, không còn lành mạnh như trước nữa.

- **Luận điểm 2:** Các bạn lầm tưởng ăn mặc như vậy sẽ làm cho mình trở thành người "văn minh", "sành điệu".

- **Luận điểm 3:** Việc chạy theo các "mốt" ăn mặc ấy có nhiều tác hại.

+ Làm mất thời gian của các bạn.

+ Ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập.

+ Gây tốn kém cho cha mẹ.

- **Luận điểm 4:** Việc ăn mặc phải phù hợp với thời đại nhưng cũng phải lành mạnh, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc, lứa tuổi, hoàn cảnh sống.

3. Sắp xếp luận điểm đã cho: (a) – (c) – (e) – (b) – (d).

4. Vận dụng yếu tố tự sự và miêu tả.

a. Yếu tố tự sự:

- + Có bạn trút bỏ chiếc áo sơ mi để mặc vào một chiếc áo phông.
- + Có bạn đòi mua bằng được chiếc quần bò đắt tiền để diện đến trường.
- + Lại có bạn quên cả việc học tập.
- + Hôm qua, ở cổng trường, chút nữa là tôi không nhận ra bạn của lớp mình.

- *Yếu tố miêu tả:*

- + Trắng, loè loẹt, loằng ngoằng
- + Xé gấu và thùng gối
- + Dán mắt vào, đấm đuôi.
- + Mái tóc đỏ hoe, đôi giày cao quá khổ, áo đen ngắn ngắn bó chặt lấy thân mình, người gầy nhỏ, quần trắng ống rộng lưng thùng

Luận điểm: Sự ăn mặc của các bạn sao lại thay đổi nhiều đến thế!

b. Yếu tố tự sự:

- + Nhớ lớp kịch "Ông Giuốc-Đanh mặc lễ phục" mà chúng ta mới học
- + Cái ông trưởng giả Giuốc-Đanh kia .đặt may lễ phục
- + Ông ta tưởng rằng hễ mặc được bộ lễ phục quý tộc là mình có ngay cái sang của nhà quý tộc.
- + Ông Giuốc-Đanh đã tự mình biến thành trò cười
- + Ông ta còn bị đám thợ phụ lột áo, quần

- *Yếu tố miêu tả:*

- + Hãnh diện ngẩng cao đầu
- + Bộ quần áo may hoa lộn ngược và ngắn cũn cỡn
- + Bị lột cả áo ngắn, quần cộc
- + Giuốc-Đanh kia hăm hờ

Luận điểm: Hình như các bạn vẫn cho rằng ăn mặc như thế mới tỏ ra là người "văn minh", "sành điệu". Và có lẽ các bạn vẫn tưởng rằng sự "sành điệu", "văn minh" ấy sẽ làm cho mình trở thành con người "thức thời" hơn, "hiện đại" hơn.

...Vậy thì sự sang trọng, có cả sự "sành điệu", "văn minh" nữa, có phải là được làm nên nhờ vào việc đua theo "mốt" này "mốt" nọ đâu!

5. Viết đoạn văn: Triển khai luận điểm phần thân bài.

b. Việc chạy theo các "mốt" ăn mặc ấy có nhiều tác hại (làm mất thời gian của các bạn, ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập, gây tốn kém cho cha mẹ).

e. Việc ăn mặc phải phù hợp với thời đại nhưng cũng cần phải lành mạnh, phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc, với lứa tuổi, hoàn cảnh sống

Lưu ý: Không đưa vào những câu văn thừa (có nội dung không sát với luận điểm).

TUẦN 10/HK2

Nội dung:

- + Giới thiệu nội dung lý thuyết, bài tập cơ bản “BẤT PHƯƠNG TRÌNH MỘT ẨN”, “BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN” (có hướng dẫn ví dụ mẫu, các bài tập tự luyện học sinh tự thực hiện).
- + Ôn tập chương III

ĐẠI SỐ

BẤT PHƯƠNG TRÌNH MỘT ẨN

A. NỘI DUNG LÝ THUYẾT:

1. Mở đầu:

Bài toán: SGK

Nếu gọi x là số quyển vở bản Nam có thể mua được, thì x phải thỏa mãn hệ thức:

$$2200x + 4000 \leq 25000$$

Ta nói hệ thức:

$2200x + 4000 \leq 25000$ là bất phương trình với ẩn x .

Vế trái: $2200x + 4000$

Vế phải: 25000

-Thay $x = 9$ vào BPT

$2200x + 4000 \leq 25000$ ta được $2200.9 + 4000 \leq 25000$ (đúng).

Ta nói $x = 9$ là một nghiệm của BPT trên.

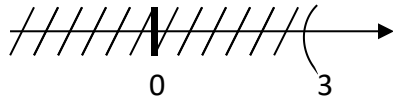
-Thay $x = 10$ vào BPT

$2200x + 4000 \leq 25000$ ta được $2200.10 + 4000 \leq 25000$ (sai).

Ta nói $x = 10$ không phải là nghiệm của BPT trên.

Tập hợp tất cả các nghiệm của một bất phương trình được gọi là tập nghiệm của bất phương trình. Giải bất phương trình là tìm tập nghiệm của bất phương trình đó.

Ví dụ 1: Tập nghiệm của bất phương trình $x > 3$ là tập hợp các số lớn hơn 3, tức là tập hợp $\{x/x > 3\}$



?2/ $x > 3$

Vế trái: x

Vế phải: 3

Tập nghiệm: $\{x/x > 3\}$

$3 < x$

Vế trái: 3

Vế phải: x

Tập nghiệm: $\{x/x < 3\}$

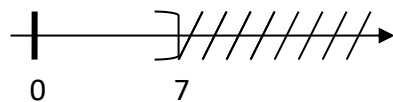
$x = 3$

Vế trái: x

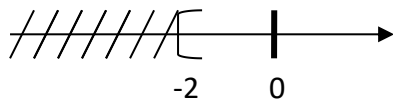
Vế phải: 3

$S = \{3\}$

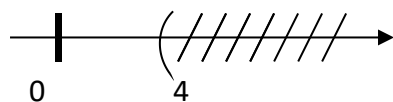
Ví dụ 2: Bất pt $x \leq 7$ có tập nghiệm là tập hợp các số nhỏ hơn hoặc bằng 7 , tức là tập hợp $\{x/x \leq 7\}$.



?3/



?4/



Hai bất phương trình có cùng tập nghiệm là hai bất phương trình tương đương và dùng kí hiệu $\Leftrightarrow$ để chỉ sự tương đương đó.

Ví dụ 3: $3 < x \Leftrightarrow x > 3$

BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN

A. NỘI DUNG LÝ THUYẾT

1. Định nghĩa:

Bất phương trình dạng $ax + b < 0$ (hoặc $ax + b > 0$, $ax + b \leq 0$, $ax + b \geq 0$) trong đó a và b là hai số đã cho, $a \neq 0$, được gọi là bất phương trình bậc nhất một ẩn.

a/ Quy tắc chuyển vế:

Khi chuyển một hạng tử của bất phương trình từ vế này sang vế kia ta phải đổi dấu hạng tử đó.

Ví dụ 1: Giải bất phương trình: $x - 5 < 18$

Giải:

Ta có: $x - 5 < 18$

$$\Leftrightarrow x < 18 + 5 \text{ (chuyển } -5 \text{ và đổi dấu thành } 5)$$

$$\Leftrightarrow x < 23$$

Vậy nghiệm của BPT là $\{x/x < 23\}$

Ví dụ 2: Giải BPT $3x > 2x + 5$ và biểu diễn tập nghiệm trên trục số:

Giải:

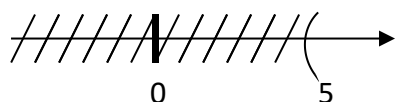
Ta có: $3x > 2x + 5$

$$\Leftrightarrow 3x - 2x > 5$$

$$\Leftrightarrow x > 5$$

Vậy tập nghiệm của BPT là $\{x/x > 5\}$

Tập nghiệm này biểu diễn như sau:



b/ Quy tắc nhân với một số:

Khi nhân hai vế của BPT với cùng một số khác 0, ta phải:

-Giữ nguyên chiều BPT nếu số đó dương.

-Đổi chiều BPT nếu số đó âm.

Ví dụ 3: Giải BPT $0,5x < 3$

Giải:

Ta có: $0,5x < 3$

$$\Leftrightarrow 0,5x \cdot 2 < 3 \cdot 2 \text{ (nhân hai vế với 2)}$$

$$\Leftrightarrow x < 6$$

Vậy tập nghiệm của BPT là $\{x/x < 6\}$

Ví dụ 4: Giải BPT $-\frac{1}{4}x < 3$ và biểu diễn tập nghiệm trên trục số.

Giải:

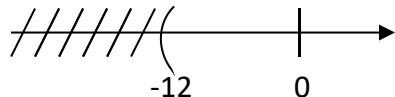
Ta có: $-\frac{1}{4}x < 3$

$$\Leftrightarrow -\frac{1}{4}x \cdot (-4) > 3 \cdot (-4) \text{ (nhân hai vế với -4 và đổi chiều)}$$

$$\Leftrightarrow x > -12$$

Vậy tập nghiệm của BPT là $\{x/x > -12\}$

Tập nghiệm này được biểu diễn như sau.



B. BÀI TẬP:

Giải bất phương trình và biểu diễn tập hợp nghiệm trên trục số:

$$a/ \frac{x+1}{2} + \frac{2x-5}{9} < \frac{3x-2}{18}$$

$$b/ \frac{x-4}{8} + \frac{2x-9}{12} > \frac{15x-17}{24}$$

$$c/ \frac{2x+5}{15} + \frac{x+2}{6} - \frac{x+3}{5} > 0$$

$$d/ \frac{7x+5}{10} \geq \frac{x+3}{2} - \frac{x+2}{5}$$

$$e/ (2x-1)^2 + 7 > x(4x+3) + 1$$

$$f/ \frac{12x+1}{12} \geq \frac{9x+3}{3} - \frac{8x+1}{4}$$

$$g/\frac{12x+1}{12} \geq \frac{9x+3}{3} - \frac{8x+1}{4}$$

HÌNH HỌC

ÔN TẬP CHƯƠNG III

A. NỘI DUNG LÝ THUYẾT:

1. Đoạn thẳng tỉ lệ

a) Định nghĩa :

$$AB, CD \text{ tỉ lệ với } A'B', C'D' \Leftrightarrow \frac{AB}{CD} = \frac{A'B'}{C'D'}.$$

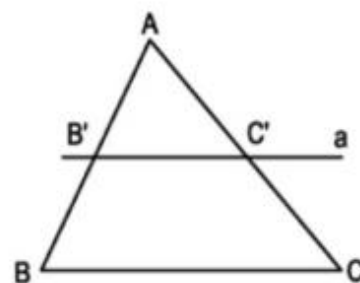
b) Tính chất :

$$\frac{AB}{CD} = \frac{A'B'}{C'D'} \Rightarrow \begin{cases} AB \cdot C'D' = CD \cdot A'B' \\ \frac{AB \pm CD}{CD} = \frac{A'B' \pm C'D'}{C'D'} \\ \frac{AB}{CD} = \frac{A'B'}{C'D'} = \frac{AB \pm A'B'}{CD \pm C'D'} \end{cases}$$

2. Định lí Ta-lét thuận và đảo

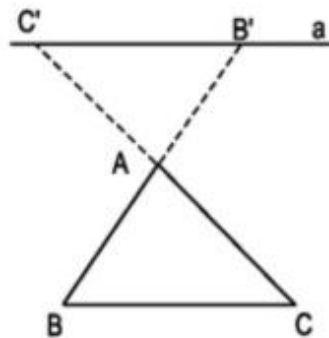
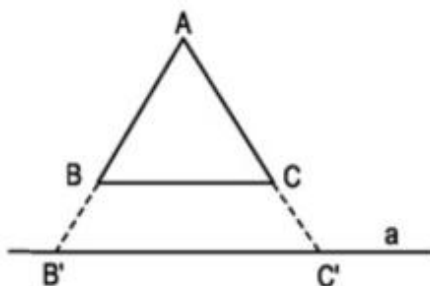
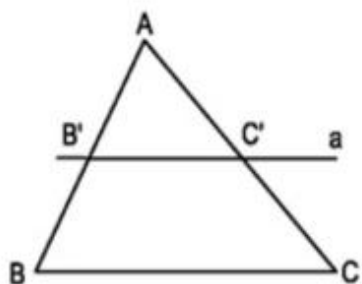
Cho tam giác ABC (h.61).

$$a \parallel BC \Leftrightarrow \begin{cases} \frac{AB'}{AB} = \frac{AC'}{AC} \\ \frac{AB'}{BB'} = \frac{AC'}{CC'} \\ \frac{BB'}{AB} = \frac{CC'}{AC} \end{cases}$$



Hình 61

3. Hệ quả của định lí Ta-lét



Cho tam giác ABC.

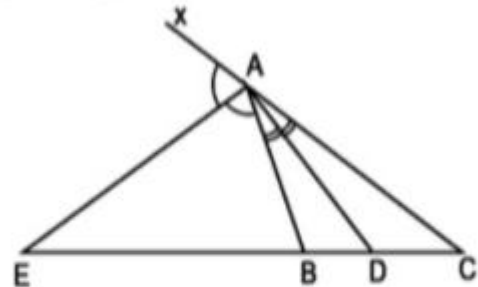
$$a // BC \Rightarrow \frac{AB'}{AB} = \frac{AC'}{AC} = \frac{B'C'}{BC}.$$

4. Tính chất của đường phân giác trong tam giác

AD là tia phân giác của góc BAC,

AE là tia phân giác của góc BAx (h.63).

Ta có : $\frac{AB}{AC} = \frac{DB}{DC} = \frac{EB}{EC}.$



Hình 63

5. Tam giác đồng dạng

a) Định nghĩa :

$$\Delta A'B'C' \sim \Delta ABC \Leftrightarrow \begin{cases} \hat{A}' = \hat{A} ; \hat{B}' = \hat{B} ; \hat{C}' = \hat{C} \\ \frac{A'B'}{AB} = \frac{B'C'}{BC} = \frac{C'A'}{CA} = k. \end{cases}$$

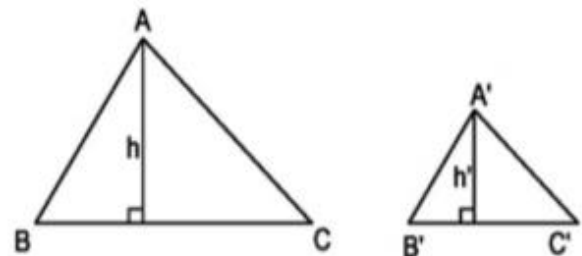
(Tỉ số đồng dạng k)

b) Tính chất :

$$\frac{h'}{h} = k$$

(h', h tương ứng là đường cao của tam giác A'B'C' và tam giác ABC) ;

$$\frac{p'}{p} = k ; \frac{S'}{S} = k^2$$



Hình 64

(p', p tương ứng là nửa chu vi của tam giác A'B'C' và tam giác ABC ; S', S tương ứng là diện tích của tam giác A'B'C' và tam giác ABC).

6. Liên hệ giữa các trường hợp đồng dạng và các trường hợp bằng nhau của hai tam giác ABC và A'B'C'

Các trường hợp đồng dạng :

a) $\frac{A'B'}{AB} = \frac{B'C'}{BC} = \frac{C'A'}{CA}$ (c.c.c).

Các trường hợp bằng nhau :

a) $A'B' = AB ; B'C' = BC$
và $A'C' = AC$ (c.c.c).

$$b) \frac{A'B'}{AB} = \frac{B'C'}{BC} \text{ và } \hat{B}' = \hat{B} \text{ (c.g.c).}$$

$$c) \hat{A}' = \hat{A} \text{ và } \hat{B}' = \hat{B} \text{ (g.g).}$$

$$b) A'B' = AB ; B'C' = BC \\ \text{và } \hat{B}' = \hat{B} \text{ (c.g.c).}$$

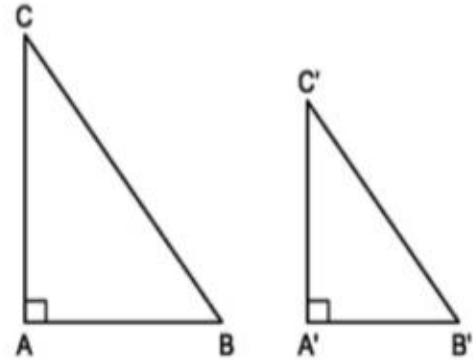
$$c) \hat{A}' = \hat{A} ; \hat{B}' = \hat{B} \\ \text{và } A'B' = AB \text{ (g.c.g).}$$

7. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông ABC và A'B'C' ($\hat{A} = \hat{A}' = 90^\circ$)

$$a) \frac{A'B'}{AB} = \frac{A'C'}{AC}.$$

$$b) \hat{B}' = \hat{B} \text{ hoặc } \hat{C}' = \hat{C}.$$

$$c) \frac{A'B'}{AB} = \frac{B'C'}{BC}.$$



B. BÀI TẬP:

Bài 1: Để đo chiều rộng AB của một khúc sông người ta dựng được ba điểm C, D, E thẳng hàng; ba điểm C, B, A thẳng hàng và BD song song với AE (xem hình vẽ). Biết rằng CB = 38 m, CD = 32 m, CE = 110 m. Tìm chiều rộng AB của khúc sông đó (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất).

Hướng dẫn:

Xét $\triangle ACE$ có: $BD \parallel AE$ (gt)

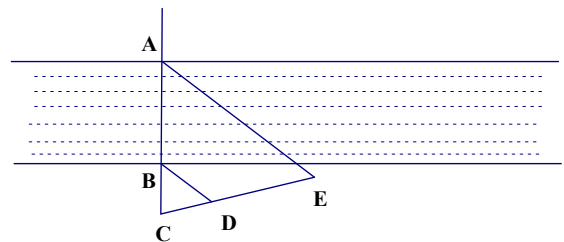
$$\Rightarrow \frac{CB}{BA} = \frac{CD}{DE} \text{ (định lý Ta - let)}$$

$$\Rightarrow \frac{38}{BA} = \frac{32}{110 - 32}$$

$$\Rightarrow \frac{38}{BA} = \frac{32}{78}$$

$$\Rightarrow BA = \frac{38 \cdot 78}{32}$$

$$\Rightarrow BA \approx 92,6(m)$$



Vậy chiều rộng khúc sông AB là 92,6 mét.

Bài 2: Cho $\triangle ABC$ có ba góc nhọn, hai đường cao BD và CE cắt nhau tại H.

a) Chứng minh $AB \cdot AE = AC \cdot AD$ và $HE \cdot HC = HB \cdot HD$

b) Chứng minh $\triangle ADE \sim \triangle ABC$.

c) AH cắt BC tại F. Chứng minh $FH.FA = FB.FC$.

Hướng dẫn:

a/ Xét $\triangle ABD$ và $\triangle ACE$ ta có:

+ Góc A chung

$$+ \widehat{ADB} = \widehat{AEC} = 90^\circ$$

Suy ra: $\triangle ABD \sim \triangle ACE$ (g.g)

$$\Rightarrow \frac{AB}{AC} = \frac{AD}{AE}$$

$$\Rightarrow AB.AE = AC.AD$$

Xét $\triangle HEB$ và $\triangle HDC$ ta có:

$$+ \widehat{EHB} = \widehat{DHC} \text{ (đối đỉnh)}$$

$$+ \widehat{HEB} = \widehat{HDC} = 90^\circ$$

Suy ra: $\triangle HEB \sim \triangle HDC$ (g.g)

$$\Rightarrow \frac{HE}{HD} = \frac{HB}{HC}$$

$$\Rightarrow HE.HC = HB.HD$$

b/ Ta có:

$$\Rightarrow \frac{AB}{AC} = \frac{AD}{AE} \text{ (cmt)}$$

$$\Rightarrow \frac{AB}{AD} = \frac{AC}{AE}$$

Xét $\triangle ADE$ và $\triangle ABC$ ta có:

+ Góc A chung

$$+ \frac{AB}{AD} = \frac{AC}{AE} \text{ (cmt)}$$

Suy ra: $\triangle ADE \sim \triangle ABC$ (c.g.c)

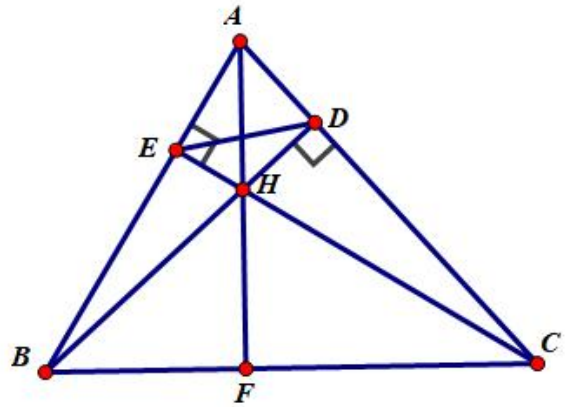
c/ Xét $\triangle ABC$ có:

+ BD là đường cao (gt)

+ CE là đường cao (gt)

+ BD cắt CE tại H

$\Rightarrow$ H là trực tâm $\triangle ABC$



$$\Rightarrow AF \perp BC$$

Xét $\triangle FBH$ và $\triangle FAC$ ta có:

$$+ \widehat{FBH} = \widehat{FAC} \text{ (cùng phụ với góc } \widehat{BCA} \text{)}$$

$$+ \widehat{HFB} = \widehat{AFC} = 90^\circ$$

Suy ra: $\triangle FBH \sim \triangle FAC$ (g.g)

$$\Rightarrow \frac{FB}{FA} = \frac{FH}{FC}$$

$$\Rightarrow FH.FA = FB.FC$$

Bài 3: (2,5 điểm) Cho tam giác ABC vuông tại A có AH là đường cao. Biết AB = 15cm,

AC = 20cm.

a/ Chứng minh $\triangle ABC \sim \triangle HBA$

b/ Chứng minh $AH^2 = BH.CH$ và tính độ dài đoạn BC, AH.

c/ Gọi I là trung điểm của cạnh AH. Qua C vẽ đường thẳng vuông góc với CB cắt đường thẳng BI tại E. Chứng minh rằng tam giác ACE cân.

Hướng dẫn:

a) Xét $\triangle ABC$ và $\triangle HBA$ ta có:

+ Góc B chung

$$+ \widehat{BAC} = \widehat{BHA} = 90^\circ$$

Suy ra: $\triangle ABC \sim \triangle HBA$ (g.g)

b) Áp dụng định lý Pytago cho tam giác vuông ABC tại A ta có:

$$BC^2 = AB^2 + AC^2 = 15^2 + 20^2 = 625$$

$$\Rightarrow BC = 25cm$$

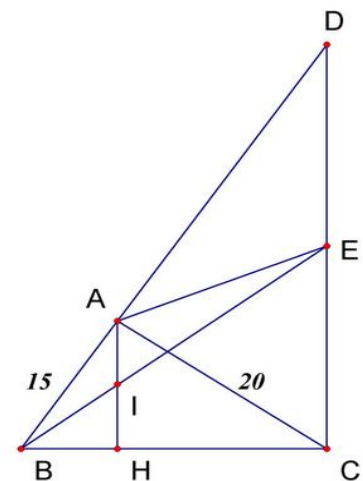
Ta có: $\triangle ABC \sim \triangle HBA$ (cmt)

$$\Rightarrow \frac{AH}{AC} = \frac{AB}{BC}$$

$$\Rightarrow AH = \frac{AB.AC}{BC} = \frac{15.20}{25} = 12(cm)$$

Xét tam giác ABH và tam giác CAH có:

$$\widehat{AHB} = \widehat{AHC} = 90^\circ$$



$$\widehat{ABH} = \widehat{CAH} \text{ (Cùng phụ với } \widehat{ACB} \text{)}$$

$$\Rightarrow \Delta ABH \sim \Delta CAH \text{ (g.g)}$$

$$\Rightarrow \frac{BH}{AH} = \frac{AH}{CH} \Rightarrow AH^2 = BH \cdot CH$$

c) Gọi D là giao điểm của đường thẳng BA và CE.

Ta có : $CE \perp BC, IH \perp BC \Rightarrow IH \parallel CE$

$$\Rightarrow \frac{HI}{CE} = \frac{BI}{BE} \text{ (HQ Talet)}$$

Ta có $AI \parallel DE$ ($IH \parallel CE$)

$$\Rightarrow \frac{AI}{DE} = \frac{BI}{BE} \text{ (HQ Talet)}$$

$$\Rightarrow \frac{AI}{DE} = \frac{HI}{CE}$$

Mà $AI = HI$ (I là trung điểm AH)

$$\Rightarrow DE = CE.$$

$$\Rightarrow E \text{ là trung điểm } CD.$$

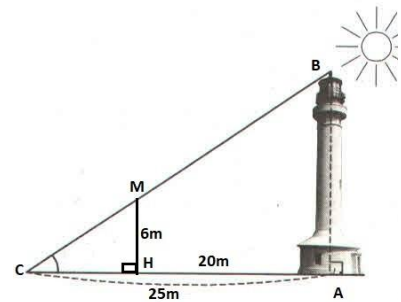
$$\Rightarrow \text{Tam giác } ACE \text{ vuông tại } A \text{ có } AE \text{ là đường trung tuyến} \Rightarrow AE = CE = \frac{1}{2}CD$$

$$\Rightarrow \text{tam giác } AEC \text{ cân tại } E.$$

BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

Bài 1: Bóng của một tòa nhà chung cư lúc 14 giờ người ta đo được 25m. Cùng lúc đó một trụ đèn thấp sáng của công viên trong chung cư có chiều cao 6m có bóng vừa trùng với bóng tòa nhà chung cư này.

Hỏi chiều cao của tòa nhà là bao nhiêu?



Bài 2: Cho ΔABC có ba góc nhọn, vẽ hai đường cao BD và CE.

a) Chứng minh $\Delta ADB \sim \Delta AEC$, từ đó suy ra $AE \cdot AB = AC \cdot AD$

b) Chứng minh $\Delta ADE \sim \Delta ABC$.

c) Gọi H là giao điểm của BD và CE. Chứng minh $HB \cdot HD = HC \cdot HE$ rồi suy ra $\Delta HED \sim \Delta HBC$.

Bài 3: (3 điểm) Cho $\triangle ABC$ vuông tại A có $AB = 15\text{cm}$, $AC = 20\text{cm}$ và AH là đường cao.

a) Chứng minh $\triangle ABC$ đồng dạng $\triangle HBA$. Tính BC, AH.

b) Tia phân giác của $\widehat{ABC}$ cắt AH tại E. Tính độ dài AE, EH.

c) Tia BE cắt AC tại K. Kẻ tia $AI \perp BE$ tại I. Chứng minh: $BI.BK = BH.BC$ suy ra $\triangle BIH \sim \triangle BCK$.

TIẾNG ANH 8 - TUẦN 10

UNIT 14: WONDERS OF THE WORLD

VOCABULARY

- construct	/kən'strʌkt/	(v): kiến trúc
- stonehenge		(n): tượng đài kỉ niệm bằng đá
- reach	/ri:tʃ/	(v): đạt đến
- pyramid	/'pɪrəˌmɪd/	(n): kim tự tháp
- design	/dɪ'zaɪn/	(v): thiết kế
- opera house	/'ɒprə/	(n): nhà hòa nhạc Opera
- summit	/'sʌmɪt/	(n): đỉnh cao nhất, thượng đỉnh
- clue	/klu:/	(n): gợi ý
- expedition	/ˌekspə'dɪʃn/	(n): viễn chinh, thám hiểm
- bored	/bɔ:d/	(a): chán, buồn
- shelter	/'ʃeltə(r)/	(n): chỗ ẩn, che chở
- mistake	/mɪ'steɪk/	(n): lỗi
- edge	/edʒ/	(n): rìa, mép, hàng rào
- advertisement	/əd'vɜ:tɪsmənt/	(n): quảng cáo
- god	/ɡɒd/	(n): vị thần
- paragraph	/'pærəgrɑ:f/	(n): đoạn
- heritage	/'herɪtɪdʒ/	(n): di sản
- Coconut Palm Inn:		quán cây cọ dừa
- crystal-clear		(a): trong suốt (như pha lê)
- marine	/mə'ri:n/	(a): thuộc biển, hàng hải
- century	/'sentʃəri/	(n): thế kỷ
- memorial	/mə'mɔ:riəl/	(n): tượng đài, đài tưởng niệm
- compile	/kəm'paɪl/	(v): biên soạn, tập hợp
- ranger	/'reɪndʒə(r)/	(n): kiểm lâm
- honor	/'ɒnə(r)/	(v): vinh dự
- snorkel	/'snɔ:kl/	(v): bơi lặn có sử dụng ống thở
- religious	/rɪ'lɪdʒəs/	(a): tôn giáo
- wonder	/'wʌndə(r)/	(n): kì quan
- royal	/'rɔɪəl/	(a): hoàng gia
- originally	/ə'rɪdʒənəli/	(adv): một cách độc đáo sáng tạo

GRAMMAR

1. **Passive forms:**
 2. **Indirect questions with *If* and *Whether***
- Yes – No question :

S + ASKED + S.O (wanted to know)	+IF/WHETHER + S + V-changed + O
---------------------------------------	---------------------------------

Direct : She said, "Do you **go** to school **today**, my son ?"

Reported : She asked her son **if** he **went** to school **that day**.

3. **Question words before *to- infinitives***

How / what ... + to Infinitive

4. **Verb + *to- infinitives***

decide/ ask/ told/ require/ advise expect/ wish/ hope/ promise intend/ learn/ manage/ offer/ plan/ pretend/ refuse/ want/...	}	+ to Infinitive
---	---	-----------------

PHIẾU BÀI TẬP:

I. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.

1. a. age b. heritage c. ranger d. ame
2. a. anser b. golden c. delicious d. wonder
3. a. more b. correct c. snorkel d. bore
4. a. out b. sound c. southern d. surrounding
5. a. century b. crystal c. stone d. might

II. Choose the word whose main stress is placed differently from the others.

1. A. Landmark B. Tower C. Citadel D. Marine
2. A. snorkel B. compile C. honor D. insert
3. A. ancient B. religious C. original D. relaxed
4. A. wonder B. landmark C. surroundings D. pyramid
5. A. question B. compile C. survive D. include

III. MULTIPLE CHOICE:

1. May I suggest you let
A. Mary doing so B. Mary do so C. Mary does to D. Mary to do so
2. She him when he called her.
A. pretended not hear B. pretended she heard not
C. pretended not to hear D. did not pretend hear
3. able to take part in the international math contest two years from now, Son works very hard in his math class.
A. In order to be B. Being C. Been D. So that he be
4. Angkor Wat is the largest in the world.
A. temple B. statue C. pagoda D. city
5. The detective saw the woman putting the jewelry her bag.

A. on B. of C. off D. in

6. I asked Hoa
A. if Phong Nha Cave was in Southern Viet Nam.
B. if Phong Nha Cave is in Southern Viet Nam.
C. whether Phong Nha Cave was in Southern Viet Nam.
D. A and C are correct.
7. The trailer gives a few important about the film's plot.
A. guessing B. clues C. lists D. suggestions
8. Angkor Wat was built the year 1100 to honor a Hindu God.
A. at B. for C. around D. about
9. They built the statue to a great hero of their country.
A. honor B. thank C. remember D. survive
10. Can you who I saw today?
A. compile B. design C. claim D. guess
11. The Statue of Liberty to the United States of America by France in 1876.
A. presented B. is presented C. was presented D. had presented
12. My Son is said to be one of the World Sites in Quang Nam
A. Wonder B. Heritage C. Landmark D. Pyramid
13. Do you know when ?
A. Uncle Ho was born B. was Uncle Ho born C. did Uncle Ho born D. Uncle Ho born
14. My family has lived in HCM city only a year.
A. in B. at C. for D. since
15. She explained the of the game and then the girls started to play.
A. reasons B. designs C. gates D. rules
16. The Pyramid is the wonder you can still see today.
A. last B. early C. soon D. only
17. There were other wonders which the ancient Greeks knew about.
A. anything B. nothing C. something D. someone
18. is a [large valley](#) with very [steep sides](#) and usually a [river flowing](#) along the [bottom](#)
A. Reef B. Cave C. Canyon D. Bay
19. These ancient buildings are part of the national
A. resources B. heritage C. belongings D. possession
20. She showed me where souvenirs.
A. buy B. to buy C. buying D. bought

VẬT LÝ 8 - TUẦN 10
Bài 22 : DẪN NHIỆT

I. SỰ DẪN NHIỆT

Thí nghiệm hình 22.1

C1 : Nhiệt năng đã truyền từ vị trí thanh đồng bị đèn cồn đốt nóng đến sáp và làm cho sáp chảy ra.

C2 : Các cây đinh rơi theo thứ tự từ a → b → c → d → e.

C3 : Nhiệt năng được truyền từ đầu A đến đầu B của thanh đồng.

II. TÍNH DẪN NHIỆT CỦA CÁC CHẤT (Học sinh tự học)

Thí nghiệm 1 (hình 22.2)

C4 : Các cây đinh rơi không đồng thời mà đinh ở 2 thanh đồng và nhôm rơi trước rồi mới đến đinh ở thanh thủy tinh → Kim loại dẫn nhiệt tốt hơn thủy tinh.

C5 : Đồng dẫn nhiệt tốt nhất rồi đến nhôm. Thủy tinh dẫn nhiệt kém nhất. Trong các chất rắn thì kim loại dẫn nhiệt tốt nhất.

Thí nghiệm 2 (hình 22.3)

C6 : Chất lỏng dẫn nhiệt kém

Thí nghiệm 3 (hình 22.4)

C7 : Chất khí dẫn nhiệt kém

III. VẬN DỤNG

C8 : HS tự tìm ví dụ minh họa

C9 : Vì kim loại dẫn nhiệt tốt, khi nấu nướng sẽ mau chín thức ăn. Sứ dẫn nhiệt kém nên giữ nhiệt lâu giúp thức ăn nóng lâu hơn.

C10 : Vì không khí dẫn nhiệt kém nên giữ được nhiệt giúp cơ thể ấm hơn khi mặc nhiều lớp áo mỏng.

C11 : Mùa đông. Để tạo ra lớp không khí dẫn nhiệt kém giữa các sợi lông chim.

C12 : Vì kim loại dẫn nhiệt tốt

- Mùa lạnh, nhiệt độ bên ngoài thấp hơn nhiệt độ cơ thể nên khi sờ vào kim loại, nhiệt năng truyền từ cơ thể sang kim loại nên ta cảm thấy lạnh.

- Mùa nắng nóng, nhiệt độ bên ngoài cao hơn nhiệt độ cơ thể nên khi sờ vào kim loại, nhiệt năng truyền từ kim loại sang cơ thể nên ta có cảm giác nóng.

Kiến thức cần nhớ

- ❖ Nhiệt năng có thể truyền từ phần này sang phần khác của một vật, từ vật này sang vật khác bằng hình thức dẫn nhiệt.

- ❖ Chất rắn dẫn nhiệt tốt. Trong chất rắn, kim loại dẫn nhiệt tốt nhất.
- ❖ Chất lỏng và chất khí dẫn nhiệt kém.

Câu hỏi kiểm tra

1. Hình thức dẫn nhiệt là gì ? Cho ví dụ.
2. Chất rắn, chất lỏng và chất khí, chất nào dẫn nhiệt tốt nhất, kém nhất ?

Bài tập

- 22.1 Sắp xếp các vật liệu dẫn nhiệt gồm đồng, nước, thủy tinh và không khí theo thứ tự từ tốt hơn đến kém hơn.
- 22.2 Tại sao khi rót nước sôi vào cốc thủy tinh dày thì dễ vỡ hơn cốc thủy tinh mỏng ? Muốn cốc không bị vỡ ta nên làm thế nào ?
- 22.3 Đun nước bằng ấm nhôm và bằng ấm đất trên cùng một bếp lửa thì nước trong ấm nào sẽ mau sôi hơn ?
- 22.4 Tại sao về mùa lạnh khi sờ vào miếng đồng ta cảm thấy lạnh hơn khi sờ vào miếng gỗ ? Có phải vì nhiệt độ của đồng thấp hơn của gỗ không ?
- 22.5 Tại sao vào mùa hè, không khí trong nhà mái tôn nóng hơn trong nhà mái tranh ? Còn vào mùa đông, không khí trong nhà mái tôn lại lạnh hơn trong nhà mái tranh ?

SINH 8 - TUẦN 10

CHƯƠNG IX: THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN

BÀI 51: CƠ QUAN PHÂN TÍCH THÍNH GIÁC

I. Cấu tạo của tai:

- Cơ quan phân tích thính giác gồm :

- + Tế bào thụ cảm thính giác.
- + Dây thần kinh thính giác (VIII)
- + Vùng thính giác (thùy thái dương) .

*** Cấu tạo tai:**

- Tai ngoài:

- + Vành tai: Hứng sóng âm
- + Ống tai: Hướng sóng âm.
- + Màng nhĩ: Khuếch đại âm.

- Tai giữa.

- + Chuỗi xương tai: Truyền sóng âm.
- + Vòi nhĩ: Cân bằng áp suất 2 bên màng nhĩ.

- Tai trong:

- + Bộ phận tiền đình thu nhận thông tin về vị trí về sự chuyển động của cơ thể trong không gian.
- + Ốc tai: Thu nhận kích sóng âm

II. Chức năng thu nhận sóng âm:

Sóng âm → màng nhĩ → chuỗi xương tai → cửa sổ bầu → chuyển động ngoại dịch và nội dịch → rung màng cơ sở → kích thích cơ quan coóc ti xuất hiện xung thần kinh → vùng thính giác cho ta nhận biết âm thanh phát ra.

III. Vệ sinh tai:

- Giữ vệ sinh tai.
- Bảo vệ tai.
- + Không dùng vật sắc nhọn ngoáy tai.
- + Giữ vệ sinh mũi họng để phòng bệnh cho tai.
- + Có biện pháp chống, giảm tiếng ồn.

BÀI 52: PHẢN XẠ KHÔNG ĐIỀU KIỆN VÀ PHẢN XẠ CÓ ĐIỀU KIỆN

I. Phân biệt phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện :

- Phản xạ không điều kiện : là phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập.
- Phản xạ có điều kiện : là phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện

II. Sự hình thành phản xạ có điều kiện:

1. Hình thành phản xạ có điều kiện.

- Điều kiện :
- + Phải có sự kết hợp giữa kích thích có điều kiện với kích thích không điều kiện.
- + Kích thích có điều kiện phải tác động trước vài giây so với kích thích không điều kiện
- + Quá trình kết hợp đó phải được lặp đi lặp lại nhiều lần.
- Thực chất của việc thành lập phản xạ có điều kiện là sự hình thành đường liên hệ tạm thời nối các vùng của vỏ đại não với nhau.

2. Ước chế phản xạ có điều kiện:

- Khi phản xạ có điều kiện không được củng cố thì sẽ mất dần.
- Ý nghĩa:
- + Đảm bảo sự thích nghi với môi trường và điều kiện sống luôn thay đổi.
- + Hình thành các thói quen tập quán tốt đối với con người.

III. So sánh các tính chất của phản xạ không điều kiện với phản xạ có điều kiện:

- Bảng 52-2 SGK đã hoàn thiện

HÓA 8-TUẦN 10

LUYỆN TẬP

I. Bài tập nước

1. Viết PTHH và nêu hiện tượng xảy ra trong các thí nghiệm sau:

a) Cho một mẫu Sodium vào cốc nước

b) Cho một ít Calcium oxide vào cốc nước khuấy đều, sau đó thử sản phẩm bằng giấy quỳ tím.

c) Đốt cháy phosphorus trong lọ chứa khí oxygen. Sau khi phản ứng kết thúc, cho nước vào lọ, lắc đều rồi thử dung dịch thu được bằng giấy quỳ tím.

2. Viết PTHH xảy ra (nếu có) khi cho nước tác dụng với:

a) Các kim loại sau: Na, Ca, Fe, Ba, Ag, K.

b) Các oxide sau: Na_2O , CaO , Fe_3O_4 , CuO , K_2O , SO_2 , SO_3 , P_2O_5 .

3. Viết PTHH:

a) Cho H_2 phản ứng lần lượt với : CuO , FeO , Fe_2O_3 , Fe_3O_4 , ZnO , HgO , PbO , O_2 .

b) Cho HCl , H_2SO_4 phản ứng lần lượt với Mg , Al , Zn

4. Bằng phương pháp hóa học hãy phân biệt:

a) Các dung dịch: NaOH , HCl , NaCl

b) Các dung dịch: Ca(OH)_2 , H_2SO_4 , H_2O

5. Đốt cháy hoàn toàn 10,85g Phosphorus đỏ trong khí oxygen

a) Tính khối lượng sản phẩm tạo thành.

b) Hòa tan toàn bộ sản phẩm tạo thành vào nước. Tính khối lượng acid thu được sau phản ứng?

II. Bài tập Acid – Base – Muối

1. Phân loại và gọi tên các hợp chất có công thức hóa học sau:

CTHH	Tên gọi
K_2O	
Mg(OH)_2	
H_2SO_4	
AlCl_3	
Na_2CO_3	

CO ₂	
Fe(OH) ₃	
HNO ₃	
Ca(HCO ₃) ₂	
K ₃ PO ₄	
HCl	
CuO	
Ba(OH) ₂	
H ₂ S	
NaH ₂ PO ₄	
FeO	
N ₂ O ₅	
Cl ₂ O ₇	

2. Viết CTHH của những chất có tên gọi sau:

CTHH	Tên gọi
	Sulfuric acid
	Sulfurous acid
	Iron (II) hydroxide
	Potassium hydrogencarbonate
	Magnesium chloride
	Aluminium sulfate
	Sodium oxide
	Potassium hydroxide
	Diphosphorus pentoxide
	Calcium dihydrogenphosphate

LỊCH SỬ 8-TUẦN 10

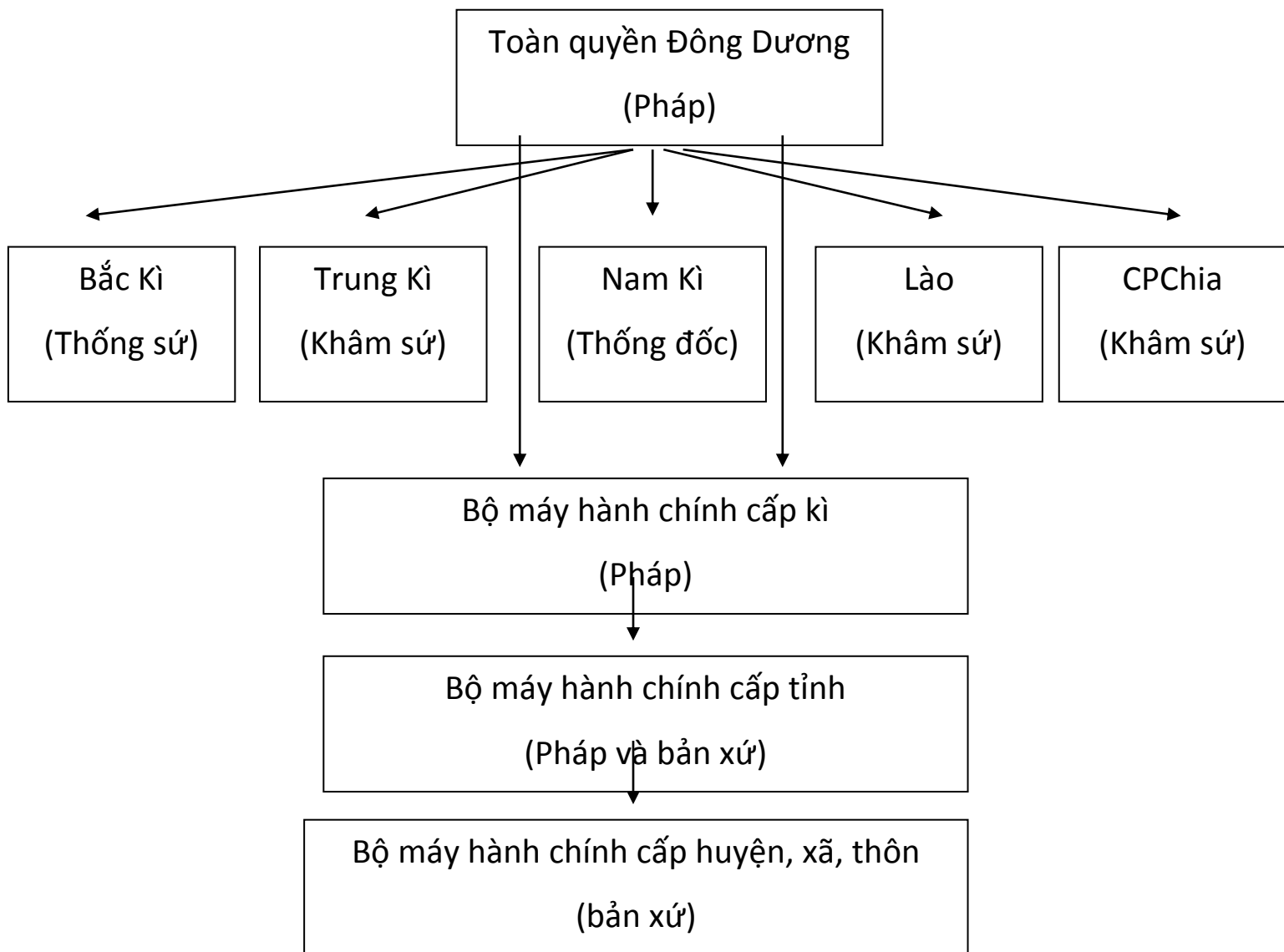
Chủ đề: NHỮNG CHUYỂN BIẾN

VỀ KINH TẾ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM VÀ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1918

(3 tiết)

1. CHÍNH SÁCH KHAI THÁC THUỘC ĐỊA CỦA THỰC DÂN PHÁP

a. TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC



=> **Nhận xét:** chặt chẽ, với tay xuống tận vùng nông thôn, kết hợp giữa nhà nước thực dân và quan lại phong kiến

b. chính sách bóc lột

- Vơ vét sức người, sức của phục vụ cho chiến tranh.
- Tăng cường bắt lính.
- Nông nghiệp phục vụ chiến tranh.
- Mua công trái.
- Đời sống nhân dân cực khổ.

2. NHỮNG CHUYỂN BIẾN KINH TẾ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

a. Kinh tế:

	Những chuyển biến
Kinh tế	+ Nông nghiệp: cướp đoạt ruộng đất phát canh thu tô, lập các đồn điền + Công nghiệp: tập trung khai thác than và kim loại, đầu tư vào một số ngành như xi măng, điện, chế biến gỗ... + Giao thông vận tải: tăng cường xây dựng đường bộ, đường sắt, đường thủy + Thương nghiệp, tài chính: độc chiếm thị trường Việt Nam, đánh thuế nặng vào muối, rượu, thuốc phiện. => Mục đích là vơ vét sức người và sức của.
Văn hoá, giáo dục	+ Duy trì chế độ giáo dục phong kiến. + Về sau mở 1 số trường học và cơ sở y tế, văn hoá. + Nhằm đàn áp, vơ vét sức người, sức của của nhân thuộc địa + Chính sách nô dịch, ngu dân

b. Xã hội

Giai cấp, tầng lớp	Nghề nghiệp	Thái độ đối với độc lập dân tộc
Giai cấp địa chủ	Kinh doanh ruộng đất, bóc lột địa tô	Mất hết ý thức dân tộc, làm tay sai cho đế

		quốc
Giai cấp nông dân	Làm ruộng	Căm thù đế quốc, phong kiến, sẵn sàng đấu tranh
Giai cấp công nhân	Bán sức lao động làm thuê	Kiên quyết chống đế quốc giành độc lập dân tộc
Tầng lớp tư sản	Kinh doanh công thương nghiệp	Thỏa hiệp với đế quốc, chỉ một bộ phận có ý thức dân tộc
Tầng lớp tiểu tư sản	Làm công ăn lương, buôn bán nhỏ	Bấp bênh, một bộ phận có tinh thần yêu nước chống đế quốc

3. HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1918

a. Xu hướng mới trong cuộc vận động giải phóng dân tộc:

- + Chính sách khai thác thuộc địa làm cho kinh tế, xã hội biến đổi.
- + Tầng lớp tư sản dân tộc ra đời.
- + Các nhà yêu nước muốn noi gương Nhật.

b. Phong trào yêu nước đầu TK XX

Phong trào	Mục đích	Hình thức và nội dung hoạt động
Phong trào Đông Du (1905 – 1909).	Đào tạo nhân tài cho đất nước, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang	Đưa học sinh sang Nhật du học. Viết sách báo tuyên truyền yêu nước
Đông Kinh nghĩa thực (1907).	Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài	Tập trung diễn thuyết, bình văn, sách báo,...
Cuộc vận động Duy tân và phong trào chống thuế	Nâng cao dân trí, bồi dưỡng đấu tranh	Diễn thuyết đề tài sinh hoạt xã hội, tình hình thế giới, khuyến

ở Trung kì (1908)		khích kinh doanh công thương nghiệp
-------------------	--	-------------------------------------

Tên	Nguyên nhân	Diễn biến	Kết quả
Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (1916)	Pháp bắt lính đưa sang châu Âu.	Dự kiến rạng sáng 4/5/1916 khởi nghĩa.	- Kế hoạch bị bại lộ. - Lãnh đạo bị xử tử, vua Duy Tân đi đày sang châu Phi.
Khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị ở Thái Nguyên (1917)	Bất bình của binh lính người Việt trong quân đội Pháp	Nghĩa quân chiếm trại lính, phá nhà lao, thả tù chính trị,...	Khởi nghĩa kéo dài 5 tháng thì bị đàn áp.

c. Những hoạt động của Nguyễn Tất Thành sau khi ra đi tìm đường cứu nước

- Do các phong trào chống Pháp đều thất bại.
- 5/6/1911 từ bến nhà Rồng, Bác ra đi tìm đường cứu nước.
- Năm 1917 Bác tham gia hội những người yêu nước Việt Nam ở Pari.
- Tham gia phong trào công nhân Pháp và tiếp nhận ảnh hưởng của cách mạng tháng mười Nga.
- Vì sao Nguyễn Tất Thành lại ra đi tìm đường cứu nước mới?
- + Người sinh ra và lớn lên trong cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm lược.
- + Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra và các phong trào đều bế tắc về đường lối nên bị thất bại.
- + Nên người quyết đi ra tìm con đường cứu nước mới đúng đắn cho dân tộc thoát khỏi sự lệ thuộc vào thực dân và phong kiến.

Hết.

Bài 33: Đặc điểm sông ngòi Việt Nam

1. Đặc điểm chung

a. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước.

- Nước ta có 2360 sông dài > 10km.
- 93% các sông nhỏ và ngắn.
- Các sông lớn: sông Hồng, sông Mê Công...

b. Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chính là Tây Bắc – Đông Nam và hướng vòng cung

- Hướng TB –ĐN: sông Đà, sông Hồng, sông Mã...
- Hướng vòng cung: Sông Lô, sông Gâm, sông Cầu...

c. Sông ngòi nước ta có hai mùa nước: Mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt.

- Mùa lũ chiếm tới 70 – 80% lượng nước cả năm nên dễ gây ra lũ lụt.

d. Sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn

- Sông ngòi cung cấp tới 839 tỉ m³ nước hàng năm.
- Hàm lượng phù sa lớn, 200 triệu tấn/năm.

HẾT

Bài 33: Đặc điểm sông ngòi Việt Nam(TT)

2. Khai thác kinh tế và bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông.

a. giá trị của sông ngòi

- Thủy lợi, cung cấp nước sinh hoạt
- Thủy điện
- Nuôi trồng, đánh bắt thủy sản
- Giao thông
- Du lịch
- Khai thác vật liệu xây dựng

b. sông ngòi nước ta đang bị ô nhiễm

- Nguyên nhân:
 - Chặt phá rừng đầu nguồn
 - Chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt
 - Đánh bắt thủy sản bằng hóa chất, điện
 - Vật liệu chèn lấp cản trở dòng chảy tự nhiên...
- Hậu quả:
 - Chết ngạt các sinh vật
 - Thiếu nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt.
- Biện pháp:
 - Bảo vệ rừng đầu nguồn
 - Xử lý chất thải, khai thác hợp lý các nguồn lợi từ sông...

HẾT

HẾT

BÀI 18: QUYỀN KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA CÔNG DÂN (tiết 1)

I. Đặt vấn đề

a) Theo em, khi nào thì công dân có quyền khiếu nại, mục đích của việc khiếu nại?

II. Nội dung bài học

1. Khái niệm

a. *Quyền khiếu nại*: là quyền của công dân đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại các quyết định, việc làm của cán bộ công chức nhà nước khi thực hiện công vụ.

b. *Quyền tố cáo*: là quyền của công dân báo cho cơ quan tổ chức cá nhân có thẩm quyền biết về một việc vi phạm pháp luật.

2. So sánh khiếu nại và tố cáo

****Giống nhau:***

- Là quyền của công dân được quy định trong hiến pháp
- Là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân
- Là phương tiện công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

**** Khác nhau:***

- Khiếu nại là người trực tiếp bị hại
- Tố cáo là mọi công dân có quyền để ngăn chặn hành vi xâm phạm lợi ích nhà nước, tổ chức, cơ quan và công dân.

III. Bài tập

Nhận xét sự giống và khác nhau giữa quyền khiếu nại, tố cáo (người có quyền khiếu nại, tố cáo và mục đích khiếu nại, tố cáo)

Tham khảo:

**** Giống nhau:***

- Là quyền của công dân được quy định trong hiến pháp
- Là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân
- Là phương tiện công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

**** Khác nhau:***

- **Đối tượng:**
 - Đối tượng của khiếu nại là các quyết định hành chính, hành vi hành chính.
 - Đối tượng của tố cáo là hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.
- **Cơ sở:**
 - Cơ sở của khiếu nại là quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân người khiếu nại khi bị xâm phạm.
 - Cơ sở của tố cáo là tất cả các hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.
- **Mục đích:**
 - Mục đích của khiếu nại là để khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người đã bị xâm phạm hoặc bị thiệt hại.
 - Mục đích của tố cáo là nhằm phát giác, ngăn chặn, hạn chế kịp thời mọi hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm đến lợi ích nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

IV. Dặn dò

- Làm bài tập SGK, học bài.

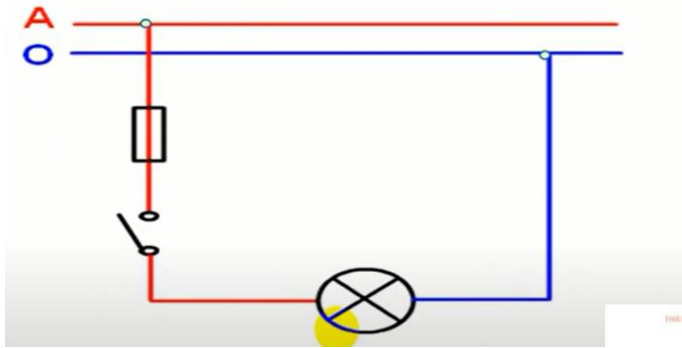
CÔNG NGHỆ 8- TUẦN 10

Chủ đề: **SƠ ĐỒ ĐIỆN**

Các em xem clip <https://www.youtube.com/watch?v=nXE8N9t31Vo>

I. SƠ ĐỒ ĐIỆN

Khái niệm : sơ đồ điện là hình biểu diễn quy ước của mạch điện và hệ thống điện



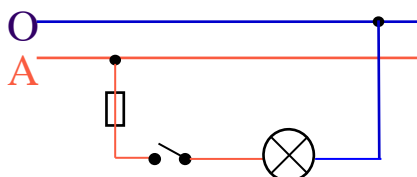
2. MỘT SỐ KÝ HIỆU QUY ƯỚC .

bảng 55.1 tr 190

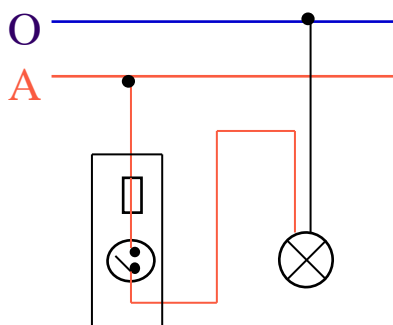


3. PHÂN LOẠI SƠ ĐỒ ĐIỆN

♦ **Sơ đồ nguyên lý** : là loại sơ đồ chỉ nói lên mối liên hệ điện mà không thể hiện vị trí sắp xếp, cách lắp ráp của các phần tử của mạch điện



♦ **Sơ đồ lắp đặt** : là loại sơ đồ để dự trù vật liệu, biểu thị vị trí lắp đặt, cách lắp ráp giữa các phần tử của mạch điện



♦ **Sơ đồ định vị** : là loại sơ đồ chỉ biểu thị vị trí lắp đặt các phần tử của mạch điện (không có cách lắp đặt)

Dặn dò:

- Học bài 55, trả lời câu hỏi trong SGK.
- Chuẩn bị bài 56



MÔN ÂM NHẠC – ÂM NHẠC 8

Lớp 8 / Tuần 10 / Học Kỳ 2: Từ ngày 04//04 đến 09 /04/2022.

Tiết 28: - Ôn tập bài hát: *Ngôi nhà của chúng ta*
- Tập đọc nhạc: TĐN số 7

Dòng suối chảy về đâu ?

Nhạc Nga

Đặt lời : HOÀNG LÂN

Hơi nhanh

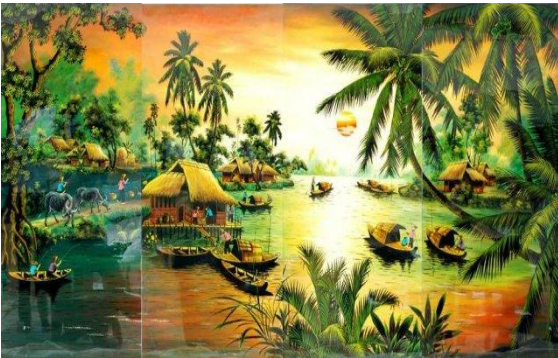


Con suối êm trôi trong nắng tươi uốn quanh qua bao núi
đồi. Con suối êm trôi đi tới đâu hát lên say sưa bao
lời. Hoà vào dòng sông qua xóm làng đến về đại dương mênh
mông. Con suối trong xanh trong nắng tươi hát
lên say sưa muôn lời.

Mĩ thuật 8 tuần 10 hk2
Vẽ tranh

Đề Tài Tự Chọn

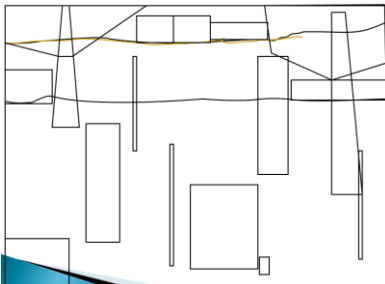
I. Tìm và chọn nội dung đề tài:



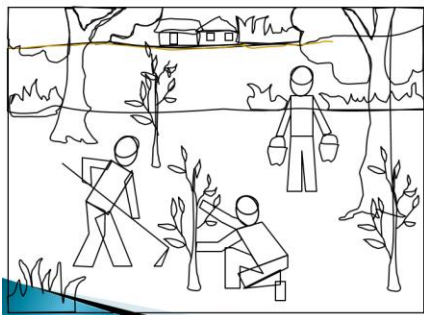
- Đề tài gia đình: Đi chợ, nấu cơm, sum họp, thăm hỏi...
- Học tập: Học nhóm, đi học, trong lớp, thể dục giữa giờ...
- Đề tài giao thông: Trồng cây, chăm sóc cây, giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp ...
xanh sạch đẹp...
- Còn có nhiều nội dung đề tài khác: Lễ hội, thể thao, y tế, giao thông, lao động, nội trợ, vui chơi và buôn bán họp chợ...

II. Cách vẽ:

- Tìm và chọn nội dung đề tài
- Tìm bố cục mảng chính phụ



- Vẽ hình

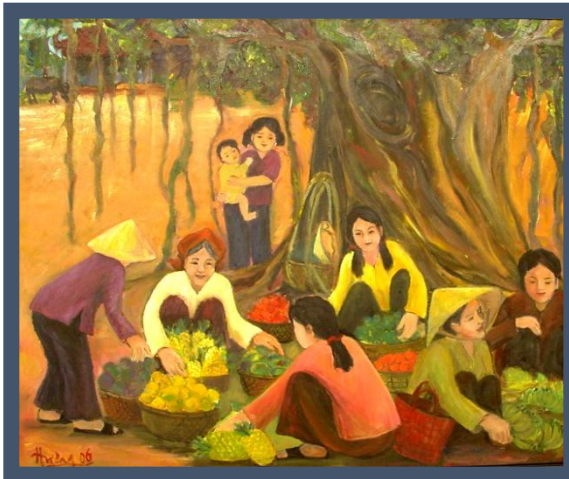


- Vẽ màu



III. Thực hành:

- Học sinh hoàn thành vẽ hình.



Trường THCS Trần Văn Quang

Tổ : CN - VTM

Ngày Soạn :31/3/2022

Ngày dạy: 4/4/2022

Tuần 10 HK2 - Tiết 19-20

NHẢY DÂY – CHẠY BỀN

I. MỤC TIÊU MUC TIÊU : KIẾN THỨC, NĂNG **LỰC PHẨM CHẤT, YÊU CẦU**

1. Kiến thức:

- Học : Nhảy dây tăng số lần nhảy tập sức bền thể lực.
- Chạy bền
- Học sinh biết cách thực hiện các động tác
- Thực hiện các bước tăng cầu cơ bản, nâng cao đã được học.
- Học sinh hiểu được kỹ thuật cơ bản yêu cầu cần thực hiện

2. Năng lực

- Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật, thành tích KT ở mức đạt trở lên
- Thực hiện thành thạo các nội dung kiến thức ôn tập
- Phẩm chất
- Năng lực cần đạt: Năng lực vận động, năng lực thể lực, năng lực lập kế hoạch hoạt động hàng ngày
- Phẩm chất cần đạt : Tự lập, tự tin, tự chủ. Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng...

3. Phẩm chất

- Phẩm chất cần đạt: Tự lập, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.
- Rèn cho học sinh có thói quen tập luyện thể dục thể thao, tác phong nhanh nhẹn và thái độ nghiêm túc trong giờ học.

4. Yêu cầu

- Tập vừa sức , tùy theo tình hình sức khoẻ của bản thân

II. CHẠY NGẮN :

PHÂN TÍCH	HÌNH ẢNH MINH HỌA
1. ÔN : Nhảy dây Các động tác nhảy dây ngắn: 1. So dây: Hai tay cầm hai đầu dây, chân phải hoặc chân trái giẫm lên dây dây đặt sát mặt đất) độ dài của dây từ đất lên tới ngang vai là thích hợp. 2. Trao dây: - TTCB : Hai tay cầm hai đầu dây (dây sát đất). - Động tác: Trao dây sang trái, trao dây sang phải chủ yếu xoay cổ tay, hai tay chuyển động theo hình số 8 ngang, dây được quất ra trước mặt kéo xuống dưới, sang trái, ra sau, lên cao, rồi ra trước mặt, sang phải... + Nhịp 1: Trao dây sang bên trái, qua trước mặt, hai cẳng tay gần như sát nhau, tay phải trên, tay trái dưới. + Nhịp 2: Trao dây sang bên phải, hai tay gần như song song. + Nhịp 3: Trao dây sang bên trái, động tác như nhịp 1. + Nhịp 4: Dây để ở phía trước (sát chân) chuẩn bị nhảy qua dây. Chú ý: Không dang tay quá rộng sang 2 bên, dây chạm đất phía trước mặt. Hơi nhún gối và xoay người theo nhịp lắc của dây. 3. Động tác nhảy chụm chân có bước đệm:	* Yêu cầu: HS thực hiện đúng động tác đã học, nắm và thực hiện được động tác và nghiêm túc trong tập luyện 

- TTCB : Đứng thẳng, hai tay cầm 2 đầu dây, dây để sát đất phía sau.

- Động tác: Cơ bản như động tác nhảy chụm chân không bước đệm. Khi dây quay gần đến chân thì hai chân chụm lại nhảy qua dây và sau đó hai chân tiếp tục nhảy bước đệm một nhịp không có dây, đến nhịp sau mới nhảy qua dây. Như vậy hai chân phải nhảy liên tục (nhịp nhảy qua dây, nhịp nhảy đệm không qua dây).

4. Động tác nhảy chụm chân không có bước đệm:

- TTCB : Đứng thẳng, hai tay cầm 2 đầu dây, dây để sát đất phía sau.

- Động tác: Dùng cổ tay quay dây, đưa dây từ phía sau lên cao, ra trước, xuống dưới, dây gần đến chân thì bật nhảy hai chân lên cho dây qua và cứ thế nhảy qua dây theo nhịp bật chân.

5. Nhảy qua dây từng chân một:

- TTCB : Đứng thẳng, hai tay cầm 2 đầu dây, dây để sát đất phía sau.

- Động tác: Khi dây sắp qua chân thì nhảy co một chân lên trước (chân trái hoặc chân phải nhảy qua dây trước) cho dây qua, rồi hạ chân xuống, chân sau tiếp tục co lên ra sau để dây qua nốt.

2. Học : Nhảy tăng số lượng

Học sinh chia số lần nhảy ra nhiều lần

Lần 1 : 20 cái nghỉ 30 giây

Lần 2 : 30 cái nghỉ 30 giây

Lần 3 : 40 cái nghỉ 30 giây

Lần 4 : 50 cái nghỉ 5 phút

Học sinh lập lại bài tập tùy vào thể lực của mình.

3. Thả lỏng :



Các động tác thả lỏng : học sinh thực hiện động tác rũ tay và chân

Dùng 2 tay xoay đùi

Ngồi hai chân duỗi gập thân về trước kéo căng cơ.

